TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

Bản án số 01/2020/DSPT
Ngày 06-3-2020
V/v tranh chấp đất đai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

- Các thẩm phán: Ông Hồ Đức Quang
Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thuý Hạnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Tống Khánh Lâm- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 22/2019/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019; do có kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Thanh X đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/HNGĐ-ST ngày 21/11/2019 của TAND thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, theo Quyết định đưa ra xét xử số 01/2020/QĐXX-PT ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Thanh X (tên gọi khác Du Xuân); địa chỉ: Xóm Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Võ Quốc Hoàng - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

Bị đơn: Bà Hồ Thị T; địa chỉ: Xóm Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Dương Thị T

- Anh Bùi Công S

Cùng trú tại: Xóm Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh

(Đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh Dương Văn T; địa chỉ: Xóm Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Văn T: Ông Dương Văn L; địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường Nam Hà, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- Anh Dương Văn A; Số 547/37H, khu phố Đông Thành, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/HNGĐ-ST ngày 21/11/2019 của TAND thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn ông Bùi Thanh X trình bày: Gia đình ông có 2 thửa đất liền kề (thửa đất số 539, diện tích 1010m^2 và thửa đất số 540, diện tích 660m^2 tờ bản đồ số 5 (bản đồ 371) tại xóm Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh). Nguồn gốc của 2 thửa đất này là của ông nội ông.

Khoảng năm 1945 cha ông bán cho cụ Xuân Vy 533m^2 đất về phía Tây thuộc thửa số 540, diện tích này con ông V là anh Dương Đình T ở, còn 130m^2 cạnh ngõ phía Đông ông X sử dụng. Năm 1965 gia đình ông T1 bỏ đất đi khai hoang ở nơi khác. Sau đó Ủy ban nhân dân xã T sử dụng thửa đất mở cơ sở xay xát lương thực. Đến năm 1976 gia đình bà T đến ở tại thửa đất của ông T1 cho đến nay. Tại bản đồ 299 đất bà T có diện tích 540m^2, tại bản đồ 371 có diện tích 537m^2, năm 2007 Ủy ban nhân dân thị xã về đo cả 130m^2 của ông X vào nên có diện tích 668m^2. Sau đó, Ủy ban nhân dân xã T đã sửa chữa thành bản đồ 299 có diện tích 668m^2, bản đồ 371 có diện tích 540m^2. Cho rằng bà T đã lấn chiếm 130m^2 đất của ông tại thửa đất số 540 tờ bản đồ số 5 (bản đồ 371) có tứ cận: phía Bắc giáp nhà thờ họ Dương, phía Nam giáp đất ông Bùi Thanh X, phía Đông giáp đường đi ra Quốc lộ, phía Tây giáp đất bà Hồ Thị T nên ông khởi kiện yêu cầu bà Hồ Thị T trả lại diện tích đất đã lấn chiếm.

Bị đơn bà Hồ Thị T trình bày: Vợ chồng bà được chính quyền cấp cho thửa đất số 540 tờ bản đồ số 5 (bản đồ 371) ở xóm Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh từ trước năm 1980. Năm 1981 chồng bà là ông Dương Văn H chết, bà cùng các con gồm Dương Thị T, Dương Văn T, Dương Văn A quản lý, sử dụng đến nay mặc dù

chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng gia đình bà sử dụng đất liên tục, không cơi nới, không tranh chấp với ai. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Văn T, chị Dương Thị T và anh Dương Văn A (con của bà T) trình bày thống nhất như trình bày của bà T.

Anh Bùi Công S (con của ông X) trình bày: Anh Bùi Công S sống cùng bố mẹ tại xóm Đ, xã T, thành phố H từ khi sinh ra đến nay. Trước đây ranh giới giữa gia đình anh với các gia đình khác là những bụi cây tre. Khi bà T xây nhà lấy bụi tre dọc đường vào nhà anh. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 08/2019/HNGĐ-ST ngày 21/11/2019 của TAND thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh: căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 100 Luật đất đai, Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thanh X.

Án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 03/12/2019, nguyên đơn ông Bùi Thanh X kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo. Bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung đơn kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh X, buộc bị đơn bà Hồ Thị T trả lại 130m^2 đất cho gia đình ông.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, HĐXX, thư ký phiên tòa và các bên đương sự đã đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung dung đơn kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/HNGĐ-ST ngày 21/11/2019 của TAND thành phố H.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ "Tranh chấp đất đai" là đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và giải quyết đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hiện trạng thửa đất tranh chấp: Nguyên đơn cho rằng thửa đất số 540 tờ bản đồ số 5 bản đồ 371 tại xóm Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh có hai chủ: Của bà Hồ Thị T 533m^2 và của ông Bùi Thanh X 130m^2. Theo bị đơn, thửa đất này có nguồn gốc do chính quyền địa phương cấp cho gia đình bà. Quá trình sử dụng, gia đình bà sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai, không cơi nới. Bà đã xây nhà, ông X đã xây tường rào bao quanh toàn bộ vườn của ông, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Bùi Thanh X cũng trình bày ông xây hàng rào ranh giới hai gia đình vào khoảng năm 2010. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại 130m^2 thuộc thửa số 540, như vậy diện tích tranh chấp là 130m^2 đất thuộc thửa số 540, tờ bản đồ số 5, bản đồ 371.

Theo kết quả thẩm định tại chỗ, thửa đất 540 có diện tích 592,2m^2, tứ cận: Phía Bắc giáp đất hộ ông Bùi Thanh X; Phía Nam giáp đất ông Dương K và đất hộ bà Lê Thị Kim T; Phía Đông giáp đường dân cư; Phía Tây giáp đất hộ ông Hồ Sỹ Q.

Theo hồ sơ lưu trữ: Tại bản đồ 299 đo đạc năm 1985, Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất ngày 14/11/1985 của bà Hồ Thị T và Sổ đăng ký ruộng đất xã T có số thửa 459, tờ bản đồ số 3, diện tích 668m^2. Tại bản đồ 371 đo đạc năm 1994 và Sổ mục kê có số thửa 540, tờ bản đồ số 5, diện tích 537m^2. Trong tất cả các giấy tờ về đất đai của thửa đất này thì tên chủ sử dụng đất là bà Hồ Thị T.

[2.2] Về nguồn gốc đất: Tại Đơn đăng ký quyền sử dụng đất có xác nhận của Hội đồng đăng ký ruộng đất xã T thể hiện thửa đất này bà T được Hợp tác xã cấp năm 1975; Qua xác minh tại địa phương thì thửa dất bà T đã sử dụng ổn định, liên tục từ trước năm 1980 đến nay. Ông X cho rằng diện tích thửa đất của bà T tại bản đồ 299, bản đồ 371 lưu tại Ủy ban nhân dân xã T đã bị sửa chữa nhưng qua trích sao bản đồ 299, bản đồ 371 lưu tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Hà Tĩnh thì diện tích không có gì khác so với bản đồ trích sao tại Ủy ban nhân dân xã T, hơn nữa trong các tài liệu chứng cứ về thửa đất cùng thời kỳ với bản đồ 299 gồm

Đơn đăng ký ruộng đất ngày 14/11/1985 và Sổ đăng ký ruộng đất của xã cũng thể hiện thửa đất có diện tích 668m2. Do vậy, ông X trình bày bản đồ tại xã bị sửa chữa về diện tích là không có cơ sở.

[2.3] Quá trình sử dụng diện tích đất tranh chấp: Nguyên đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh gia đình ông sử dụng 130m^2 đất tranh chấp này, nên ông phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, gia đình bà T đã sinh sống bên cạnh gia đình ông một thời gian dài, quá trình đó, bà T xây dựng nhà, sử dụng đất ông không có ý kiến gì, bản thân ông cũng tự bao vườn của mình lại không bao gồm cả phần diện tích tranh chấp này. Việc ông trình bày, gia đình ông bán 533m^2 thửa 540 nhưng không có tài liệu nào chứng minh cũng không có bất cứ hồ sơ nào lưu trữ.

Cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương về sự biến động diện tích đất, theo đó ranh giới giữa hộ ông Bùi Thanh X và hộ bà Hồ Thị T vẫn ổn định, không có gì thay đổi. Giữa các lần đo đạc bản đồ 299, bản đồ 371 và đo đạc bằng máy kĩ thuật số do Tòa án phối hợp với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh thành phố H tiến hành về diện tích 02 hộ có sự biến động nhưng về hình thể cả 02 hộ không thay đổi, tại bản đồ 299, bản đồ 371 và hiện trạng thửa đất đều thể hiện phần diện tích đất tranh chấp 130m^2 nói trên chủ sử dụng đất là bà Hồ Thị T. Theo chính quyền địa phương thì có sự biến động về diện tích giữa các lần đo đạc từ năm 1985 đến nay là do trước đây công cụ đo đạc còn thô sơ, ranh giới là các bụi rậm, khó xác định, tính toán diện tích không chính xác. Mặc dù thửa đất hiện tại chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ngày 14/11/1985 bà Hồ Thị T đã có Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất với diện tích 668m^2 được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã T xác nhận được ở hợp pháp và được đăng ký vào Sổ đăng ký ruộng đất xã T; hồ sơ 299 và 371 tên chủ sử dụng thửa đất là bà Hồ Thị T và bà T từ trước đến nay thực hiện nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất đầy đủ nên theo quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 100 Luật đất đai, Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quyền quản lý sử dụng đất thuộc về bà Hồ Thị T, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Về án phí phúc thẩm: Ông Bùi Thanh X là người cao tuổi nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Thanh X. Giữ nguyên Bản án số 08/2019/HNGĐ-ST ngày 21/11/2019 của TAND thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Áp dụng khoản 5 Điều 26, Điều 100 Luật đất đai, Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự: bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh X về việc buộc bị đơn bà Hồ Thị T trả lại 130m^2 đất thuộc thửa số 540 tờ bản đồ số 5 tại xóm Đ, xã T, thành phố H.

2. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí cho ông Bùi Thanh X.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Bùi Thanh X phải chịu 3.827.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, được khấu trừ vào số tiền 3.827.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh thành phố H và Tòa án nhân dân thành phố H.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền **Hồ Đức Quang** **Nguyễn Thị Bích Đào**